

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Trần Văn Tám;

2/- Ông Huỳnh Ngọc Trí.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Thành Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trần Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị K, sinh năm 1988.

Địa chỉ: khóm H, Phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: anh Trần Công B, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp A, xã Q, thị xã C, Tiền Giang.

Chị K và anh B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện là lời trình bày của của nguyên đơn chị Lê Thị K xác định : chị K kết hôn với anh Trần Công B theo quyết định số 60 ngày 12/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Quý, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. Đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi về tiền bạc trong cuộc sống hàng ngày nên không thể nào chung sống được.

Chị Lê Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Công B.

- Về con chung: chị và anh Trần Công B có 02 con chung tên Trần Duy K sinh ngày 10/8/2008 và Trần Trọng K sinh ngày 01/5/2011. Chị K yêu cầu giao 02 con cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị K không có khả năng cấp dưỡng cho con.

- Tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Trần Công B không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên hòa giải đoàn tụ.

Tại phiên tòa:

- Chị Lê Thị K vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trần Công B vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lê Thị K vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị K.

Anh Trần Công B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa chị Lê Thị K và anh Trần Công B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, chị Lê Thị K xác định cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh Trần Công B không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm và thường xuyên tranh cãi với nhau nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh B.

Anh Trần Công B đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị K, anh B không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ theo triệu tập của Tòa án nên xem như anh B không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân giữa anh và chị K.

Hội đồng xét xử căn cứ vào trình bày của chị K xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh B là trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chị K yêu cầu ly hôn với anh B là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung:

Chị K đã giao nộp bản sao giấy khai sinh chứng minh 02 cháu Trần Duy Khang sinh ngày 10/8/2008 và Trần Trọng Khang sinh ngày 01/5/2011 là con chung giữa chị và anh B. Chị K yêu cầu giao 02 con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng; anh B không có văn bản thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu của chị K.

Thấy rằng: 02 cháu Duy K và Trọng K có bản khai xác định nguyện vọng được sống chung với anh B vì hiện tại 02 cháu đang do anh B trực tiếp nuôi nên tiếp tục giao con chung cho anh B nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: chị K không tự nguyện cấp dưỡng cho con do hiện tại chị không có khả năng; anh B không có yêu cầu chị K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào anh B có yêu cầu sẽ được giải quyết sau.

[4]. Về tài sản chung:

Chị K xác định giữa chị và anh B không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Chị K phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 1 Điều 229 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận cho chị Lê Thị K được ly hôn với anh Trần Công B.

2. Con chung:

Giao 02 con chung tên Trần Duy K sinh ngày 10/8/2008 và Trần Trọng K sinh ngày 01/5/2011 cho anh Trần Công B trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh B chưa có yêu cầu chị K cấp dưỡng cho con.

Chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Án phí:

Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0018000 ngày 06/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị K không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Chị K và anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đường sự;
- UBND Phường 2, TX Cai Lậy;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hồ Thị Ánh Tuyết